TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/DS-PT
Ngày: 30/6/2023
"V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2023/QĐPT - DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>:

1.1. Ông Đỗ Thế Đ, sinh năm 1943. Địa chỉ: khu dân cư N, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD.

1.2. Ông Đỗ Thế B, sinh năm 1948. Địa chỉ: TT 1, phường TQ, quận Đ Đ, thành phố HN.

1.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1943. Địa chỉ: số 8 L Q Đ, khu 3, phường HT, thành phố HD, tỉnh HD. Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị Đỗ Thị Như H, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 8 khu 4, ngách 33/36 C Đ, phường BH, thành phố HD, tỉnh HD.

2. <u>Bị đơn</u>: Ông Đỗ Thế C, sinh năm 1942. Địa chỉ: khu dân cư N, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C. Bà

Nguyễn Thị Chi – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949. Địa chỉ: khu dân cư N, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD.

3.2. Chị Đỗ Thị Như H, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 8 khu 4, ngách 33/36 CĐ, phường BH, thành phố HD, tỉnh HD.

3.3. Anh Đỗ Chung H, sinh năm 1987. Địa chỉ: số 8 L Q Đ, khu 3, phường HT, thành phố HD, tỉnh HD. Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị Đỗ Thị Như H, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 8 khu 4, ngách 33/36 CĐ, phường BH, thành phố HD, tỉnh HD.

3.4. Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn L, chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn Gia Lộc.

Người kháng cáo: Nguyên đơn: Ông Đỗ Thế B và ông Đỗ Thế Đ.

Tại phiên tòa có mặt: ông B, ông Đ, ông C, chị H, bà N.

Vắng mặt: UBND thị trấn Gia Lộc, anh H, bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn thống nhất trình bày: Bố mẹ các ông bà là cụ Đỗ Văn L và cụ Hoàng Thị L. Hai cụ sinh được 04 người con gồm: ông Đỗ Thế C, ông Đỗ Thế B, ông Đỗ Thế Đ, ông Đỗ Thế T. Đến thời điểm này, ba người con còn sống, ông T chết năm 2010. Vợ con ông T là bà Nguyễn Thị T, anh Đỗ Chung H, chị Đỗ Thị Như H. Ngoài những người con trên, hai cụ không có con chung, con riêng nào khác. Cụ L và cụ L đều chết năm 2005. Khi chết hai cụ không để lại di chúc.

Di sản thừa kế của hai cụ để lại là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 05, diện tích 180m^2, địa chỉ tại khu dân cư N, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên cụ L và cụ L. Nguồn gốc thửa đất số 115 là do ông cha để lại cho hai cụ. Theo hồ sơ 299 thì thửa đất số 115 nằm trong thửa đất số 120 diện tích 383m^2. Đến năm 1990, hai cụ tách làm 02 thửa. 01 thửa số 116 diện tích 180m^2 mang tên ông Đỗ Thế C; 01 thửa đất số 115 diện tích 180m^2 vẫn mang tên hai cụ. Tài sản trên thửa đất số 115 gồm: 01 nhà cấp 4 lợp ngói xây dựng năm 1981, đến năm 2002 xuống cấp, hai cụ yêu cầu các con sửa chữa lại để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng. Khi sửa nhà ông T đưa cho hai cụ số tiền 20.000.000đ. Việc sửa chữa chủ yếu là tháo dỡ mái ngói, xây thêm tường và đổ trần bê tông cốt thép. Ban đầu hai cụ giao cho ông Đ đứng ra thuê thợ và quản lý

nhưng do ông C ở nhà dưới gần đó nên đã đứng ra quản lý, thuê thợ. Toàn bộ tiền sửa chữa nhà đều do ông T đưa cho ông C. Sau đó hai cụ tiếp tục sửa chữa tường bao xung quanh thửa đất, xây tường ngăn giữa sân và cây hương, mở rộng cổng. Hai cụ quản lý và sử dụng nhà đất trên cho đến khi chết. Vợ chồng ông C tiếp quản sử dụng toàn bộ nhà đất và có xây dựng thêm công trình là lán tôn trước cổng, tôn nền sân và nát gạch đỏ.

Bố mẹ các ông bà chết không để lại di chúc nên đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế đối với phần di sản trên. Phương thức phân chia: Đề nghị Tòa án cho di sản làm 04 phần bằng nhau theo phương án bốc thăm mà không được lựa chọn vị trí hưởng di sản. Khi bốc thăm di sản ai được phần nào thì người đó được hưởng tài sản trên đất mà không phải trả tiền chênh lệch cho nhau. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án xem xét chia cho ông C vào phần có ngôi nhà trên đất mà hiện nay ông C đang sử dụng nhằm ổn định cuộc sống. Quá trình sử dụng ngôi nhà của bố mẹ các ông bà để lại, ông C tự ý sử dụng, không được sự cho phép của các đồng thừa kế. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê nhà cho các đồng thừa kế với giá tiền 3.000.000đ một tháng. Thời gian ông C sử dụng là 17 năm nên số tiền phải thanh toán là 612.000.000đ. Đề nghị Tòa án xem xét truất quyền thừa kế của ông C bởi quá trình chung sống cùng các cụ ông C có hành vi ngược đãi, bạo hành, xúc phạm bố mẹ, xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của các cụ. Chứng minh cho phần trình bầy này. Các ông xác định, khi các ông về thăm hai cụ, hai cụ đã trao đổi lại nên các ông nắm được còn thực tế các ông không chứng kiến. Ngoài ra, ông C còn có hành vi ngăn cản hai cụ lập di chúc để định đoạt tài sản. Về công sức chăm sóc bố mẹ. Các đồng thừa kế đều có công sức chăm sóc chứ không riêng gì ông C. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế.

Quan điểm của bị đơn ông Đỗ Thế C: Ông hoàn toàn nhất trí với phần trình bầy của nguyên đơn về họ tên và năm chết của hai cụ. Hai cụ sinh được bốn người con, hiện nay 03 người còn sống, 01 người đã chết. Ngoài những người con nguyên đơn trình bầy, hai cụ không có con chung, con riêng nào khác. Về di sản thừa kế của hai cụ. Ông thừa nhận thửa đất số 115 tờ bản đồ số 05 diện tích 180m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên hai cụ. Hiện nay ông đang là người quản lý sử dụng toàn bộ nhà đất tại thửa đất trên. Đối với ngôi nhà hai cụ sử dụng được xây dựng từ năm 1981. Đến năm 2002 ngôi nhà xuống cấp, hai cụ cho phép ông sửa chữa. Ông có bàn bạc với các đồng thừa kế. Ông là người đứng ra sửa chữa, số tiền sửa chữa hết 50 – 60 triệu. Ông được hai cụ nói lại, ông T đưa cho hai cụ 15 triệu và ông cũng nhận lại từ hai cụ 15 triệu. Số tiền còn lại ông tự bỏ

ra sửa chữa cho hai cụ. Đến năm 2019 - 2020, ông ốp lát thêm gạch trong nhà, làm tường hoa mới và làm sân lát gạch đỏ. Quá trình chung sống cùng hai cụ. Hai cụ có lập di chúc bằng lời nói là cho lại ông toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 115 nêu trên. Khi hai cụ trao đổi như vậy thì có người làm chứng là anh Đỗ Phú Hải (con trai ông) và ông Đỗ Thế Bôn (là hàng xóm của ông). Sau khi hai cụ tuyên bố lập di chúc bằng lời nói xong, ông cũng như những người làm chứng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, nay ông lập văn bản để giải trình lại nội dung bố mẹ ông định đoạt, ông Bôn chưa ký vào biên bản trên. Về công chăm sóc bố mẹ: Vợ chồng ông sống chung cùng hai cụ, trực tiếp chăm sóc hai cụ. Đặc biệt từ năm 2002 hai cụ già yếu, không đi lại được thì vợ chồng ông là người có trách nhiệm với bố mẹ. Ông T và bà T có đưa thêm tiền sinh hoạt phí cho ông để ông chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ. Ông đề nghị Tòa án tính công sức chăm sóc bố mẹ của ông để trừ vào di sản thừa kế. Các nguyên đơn đề nghị Tòa án truất quyền thừa kế của ông vì ông có hành vi ngược đãi bố mẹ là không có căn cứ. Người bị truất quyền thừa kế là các nguyên đơn, ông B, ông Đ và ông T. Ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật, phần thừa kế ông được hưởng bao nhiêu ông tự nguyện sáp nhập vào tài sản chung với bà N. Ông có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật vì hiện nay ông không có chỗ ở nào khác.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+. Chị Đỗ Thị Như H, anh Đỗ Chung H thống nhất trình bầy: ông T là bố anh chị, mẹ anh chị là bà Nguyễn Thị T. Về họ tên của hai cụ, năm chết và hai cụ sinh được 04 người con như nguyên đơn trình bầy anh chị hoàn toàn thống nhất. Ông T chết năm 2010, chết sau hai cụ. Di sản thừa kế của hai cụ để lại là thửa đất số 115 như nguyên đơn trình bầy. Về công sức đối với di sản anh chị không có công sức gì, phần công sức của bố mẹ anh với di sản của hai cụ như thế nào anh chị cũng không nắm rõ. Nay hai cụ chết không để lại di chúc, và di sản được chia theo quy định của pháp luật, anh chị đề nghị Tòa án chia cho anh chị và mẹ là bà T bằng hiện vật, chia chung vào một thửa đất để thuận lợi cho việc quản lý thừa kế. Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng hai cụ. Anh chị được biết. Khi còn sống bố mẹ anh thường xuyên gửi tiền về chăm lo cho hai cụ, thậm chí còn gửi tiền sửa chữa nhà cho hai cụ. Hai ông Đ và Ba có gửi tiền sửa chữa nhà cho hai cụ không, anh chị không nắm được. Anh chị cũng nhất trí với quan điểm của nguyên đơn về việc. Không đề nghị chia di sản là tài sản trên đất của các cụ. Khi phân chia tài sản nằm trên đất của ai người đó được hưởng.

+. Bà Nguyễn Thị N xác định: bà kết hôn với ông Đỗ Thế C từ năm 1986. Sau khi kết hôn bà và ông C cùng nhau chung sống với hai cụ tại ngôi nhà cũ phía dưới. Đến năm 1990 do nhà xuống cấp nên vợ chồng bà cùng các cụ ở ngôi nhà

phía trên. Quá trình sử dụng ngôi nhà xuống cấp, đến năm 2002 hai cụ cùng vợ chồng ông sửa chữa lại ngôi nhà. Bà được ông C cho biết, ông T có đưa cho các cụ 15.000.000đ để sửa chữa, phần còn lại là của vợ chồng bà. Bà cũng không nhớ việc sửa chữa nhà hết bao nhiêu tiền. Sau khi các cụ chết, năm 2019 – 2020 vợ chồng bà tiếp tục sửa chữa ngôi nhà, lợp lại ngói, xây dựng lại tường bao, làm cổng, tôn nền sân. Nguồn tiền để sử dụng vào việc sửa chữa nhà là của vợ chồng. Nay ông Đ, ông B và bà T đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế thửa đất số 115, đó là quyền của các ông bà, bà chỉ là con dâu, có đóng góp trong việc sửa chữa, tôn tạo di sản. Trường hợp chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, phần ông C được hưởng, ông C sáp nhập vào tài sản chung vợ chồng, bà cũng nhất trí và không có ý kiến gì, chỉ mong muốn Tòa án cho vợ chồng ông được quyền hưởng di sản bằng hiện vật nhằm đảm bảo chỗ sinh hoạt vì hiện nay vợ chồng ông bà không có chỗ ở nào khác.

Tòa án tiến hành xác minh với UBND thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Nội dung thể hiện: Theo hồ sơ 299 thửa đất số 115 nằm trong thửa đất số 120, tổng diện tích 383m^2, đăng ký chủ sử dụng đất là cụ Đỗ Văn L. Theo hồ sơ 1993 thửa đất số 120 được tách làm 02 thửa gồm thửa đất số 116 diện tích 180m^2 mang tên ông Đỗ Thế C và thửa đất số 115 diện tích 180m^2 mang tên cụ Đỗ Văn L và bà Hoàng Thị L. Quá trình sử dụng đất, hai thửa đất do vợ chồng ông C và vợ chồng cụ L trực tiếp quản lý. Đối với thửa đất số 115 sau khi hai cụ chết thì vợ chồng ông C trực tiếp quản lý sử dụng nhà đất trên. Nay ông Đ, ông B và bà T đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, đó là quyền của các đương sự. UBND thị trấn không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xem xét thẩm định đối thửa đất số 115. Tổng diện tích thửa đất là 202m^2. Diện tích theo hiện trạng tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ 180m^2 tăng lên 202m^2). Tòa án đã khớp sơ đồ hiện trạng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời tiến hành xác minh tại UBND thị trấn Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, UBND thị trấn cung cấp. Các cạnh thửa đất ở phía Đông giáp nhà ông Bôn, các hộ gia đình đã sử dụng ổn định từ những năm 1980, không có tranh chấp. Quá trình sử dụng, xây sửa lại tường bao có lấn ra phần đường bê tông 1,3m^2, lấn về phần đầu đường xóm 2,7m^2. Tổng là 4m^2. Phần còn lại 198m^2 thừa ra so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 18m^2. Tuy nhiên, các cạnh không có thay đổi, không tranh chấp và các gia đình đã sử dụng ổn định. Do vậy, diện tích dư ra 18m^2 được xác định là sai số trong quá trình đo đạc.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự của UBND huyện Gia Lộc kết luận. Diện tích đất tranh chấp có giá trị 18.000.000đ/m^2. Tài sản trên đất: Tổng giá trị tài sản trên đất là: 113.383.000đ.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bị đơn trả tiền thuê nhà 3.000.000đ/tháng. Các yêu cầu khởi kiện khác nguyên đơn giữ nguyên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29/03/2023 Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Căn cứ và các Điều: Khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 618; Điều 636, Điều 637, Điều 638, Điều 639, Điều 646, Điều 654, Điều 678, Điều 679 và Điều 680 Bộ luật dân sự năm 1995: Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 621; Điều 623; Điều 626; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660 và Điều 688 Bộ luật dân sư năm 2015; điểm đ Điều 12, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thế Đ, ông Đỗ Thế B và bà Nguyễn Thị T:

- Xác định di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn L và cụ Hoàng Thị L gồm: Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 05, diện tích 180 m^2, diện tích thực tế là 198 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/5/2003 mang tên cụ Đỗ Văn L và cụ Hoàng Thị L tại khu dân cư Ngà, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương là di sản thừa kế của cụ L và cụ L có giá trị là 3.564.000.000đ (ba tỷ, năm trăm sáu mươi tư triệu đồng) được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Xác định hàng thừa kế của cụ L, cụ L gồm ông Đỗ Thế C, ông Đỗ Thế Đ, ông Đỗ Thế B và ông Đỗ Thế T. Hai cụ không có con nuôi, không có con riêng. Thời điểm mở thừa kế năm 2005 hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm ông Đỗ Thế C, ông Đỗ Thế Đ, ông Đỗ Thế B và ông Đỗ Thế T. Ông Đỗ Thế T chết năm 2010 (chết sau bố mẹ), ông T không có con riêng, không có con nuôi. Bà Nguyễn Thị T là vợ và 02 con của ông T là chị Đỗ Thị Như H và anh Đỗ Chung H kế thừa quyền và nghĩa vụ, hưởng thừa kế của phần của ông T. Xác định công quản lý, duy trì, tu tạo đất của ông Đỗ Thế C, bà Nguyễn Thị N mỗi người được 1/2 suất thừa kế, ông C, bà N được trích trả công quản lý, duy trì, tu tạo đất bằng 01 suất thừa kế. Việc chia di sản thừa kế của cụ L cụ L được chia làm 05 suất (mỗi một suất được 39,6m^2 hiện vật và giá trị là 712.800.000đ) trong đó: Ông C được 1 suất thừa kế, 1/2 suất công quản lý, duy trì, tu tạo. Ông Đỗ Thế Đ được 01 suất thừa kế, ông Đỗ Thế B được 01 suất thừa kế; Bà

Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H, anh Đỗ Chung H được 01 suất thừa kế (thừa hưởng 01 suất thừa kế của ông T), bà Nguyễn Thị N được trả 1/2 suất thừa kế bằng hiện vật (bằng đất 19,8m^2 giá trị là 354.400.000đ). Chấp nhận sự tự nguyện của bà N, ông C gộp chung phần công sức duy trì, tu tạo được hưởng bằng hiện vật 01 suất thừa kế (39,6m^2) vào phần thừa kế ông C được chia (39,6m^2) thành tài sản chung vợ chồng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chung vợ chồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Giao cho ông Đỗ Thế C, bà Nguyễn Thị N sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 88m^2 tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 05 trong tổng diện tích đất thực tế là 198m^2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/5/2003 mang tên cụ Đỗ Văn L và cụ Hoàng Thị L. Ký hiệu trên sơ đồ là (A1, A13, A12, A16) trong đó đoạn A1 đến A13 (giáp tường xây dựng vào đất tập thể) dài 12m, đoạn từ A13 đến A12 (giáp đất anh Hải) dài 7,6m, Đoạn từ A12 đến A16 (giáp đất chia cho ông Đ) dài 12,7m, đoạn từ A17 đến A1 (giáp đường bên tông thôn) dài 6,7 (có sơ đồ kem theo); trên đất có 01 nhà mái bằng 01 tầng, tường hoa và tường bao quanh; 01 lán tôn và 01 cây đinh lăng. Ông C, bà N có trách nhiệm đục tường mở lối đi ra hướng Bắc giáp với đường bê tông của thôn. Ông C có trách nhiệm trả cho bà Thu, chị H và anh H số tiền 158.400.000đ tiền giá trị quyền sử dụng đất vượt quá 1,5 suất thừa kế. Giao cho chị H nhận thay bà T và anh H. Tạm giao cho ông C quản lý 2,7 m^2 đất tập thể ký hiệu trong sơ đồ là (A1, A15, A14, A13) (có ký hiệu kèm theo).

+ Giao cho ông Đỗ Thế Đ sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 53,8m^2 tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 05 trong tổng diện tích đất thực tế là 198m^2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/5/2003 mang tên cụ Đỗ Văn L và cụ Hoàng Thị L. Trên đất có 02 trụ cổng, cánh cổng, tường bao, 01 phần nhà ngang, sân gạch theo ký hiệu trên sơ đồ là (A16, A12, A11, A17) trong đó đoạn A16 đến A12 (giáp đất chia cho ông C, bà N) dài 12,7m, đoạn A12 đến A11 (giáp đất anh Hải) dài 4,2m, Đoạn A11 đến A17 (giáp đất chia cho ông B) dài 13,1m; đoạn A17 đến A16 (giáp đường bê tông thôn) dài 4,15m (có sơ đồ kèm theo). Ông Đỗ Thế C phải trả cho bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H và anh Đỗ Chung H số tiền 255.600.000đ tiền chênh lệch do vượt quá diện tích đất và giá trị 01 suất thừa kế. Giao cho chị H nhận thay bà T và anh H.

+ Giao cho ông Đỗ Thế B sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 56,2m^2 tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 05 trong tổng diện tích đất thực tế là 198m^2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/5/2003 mang tên cụ Đỗ Văn L và cụ Hoàng Thị L. Trên đất có 01 phần nhà ngang, 01 tường hoa, 01 lán bloximăng, 02 cây hương, 03 cây đinh lăng, 01 cây khế ký hiệu trên sơ đồ là (A11, A10, A5, A17) trong đó đoạn A17 đến A11 (giáp đất chia cho ông Đ) dài 13,1m, đoạn A11 đến A10 (giáo đất anh Hải) dài

4,2m, Đoạn A10 đến A5 (giáp đất ông Bôn) dài 13,5m; đoạn A5 đến A17 (giáp đường bê tông thôn) dài 4,15m (có sơ đồ kèm theo). Ông Đỗ Thế B phải trả cho bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H và anh Đỗ Chung H số tiền 298.800.000đ tiền chênh lệch do vượt quá diện tích đất và giá trị 01 suất thừa kế. Giao cho chị H nhận thay bà T và anh H.

+ Bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H và anh Đỗ Trung Hiếu được hưởng 01 suất thừa kế của ông T có giá trị là 712.800.000đ.

Sau khi xét sử sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Thế Đ và ông Đỗ Thế B kháng cáo bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương theo hướng: Yêu cầu phế truất quyền thừa kế của ông Đỗ Thế C. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 115 cho ba đồng thừa kế là ông Đ, ông B và mẹ con bà T. Yêu cầu ông C thanh toán tiền thuê nhà với giá tiền 3.000.000đ/tháng, thời hạn thuê 17 năm, tổng giá trị tiền thuê là 612.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Quan điểm của nguyên đơn ông Đ, ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên ông Đ đề nghị Tòa án chia di sản làm 04 phần, mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 phần. Trường hợp không được Tòa án chấp nhận thì ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu phế truất quyền thừa kế của ông C. Các ông xác định. Khi còn sống hai cụ L và cụ L chưa bao giờ lập di chúc miệng, việc ông C xác định có di chúc miệng là giả mạo di chúc. Hơn nữa, quá trình chung sống với bố mẹ ông C còn có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm danh dự của bố mẹ. Đó là những điều cấm kị nhưng ông C đã thực hiện. Căn cứ khoản 1 Điều 621 BLDS đề nghị HĐXX phế truất quyền thừa kế của ông C. Đối với yêu cầu chia di sản làm 03 phần cho ba thừa kế còn lại, đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật. Ai được hưởng thừa kế tại vị trí nào thì được quyền sử dụng tài sản trên vị trí đó mà không phải trả chênh lệch cho nhau. Trường hợp ai được chia trên phần đất mà ông C tôn tạo, xây dựng thêm thì ông C bà N phải tự phá dỡ. Đối với yêu cầu trả tiền thuê nhà là 612.000.000đ. Các nguyên đơn xác định. Năm 2005 bố mẹ chết, anh chị em trong gia đình chưa thống nhất cho ông C lên nhà bố mẹ ở nhưng ông C tự ý lên sử dụng, sau đó sửa chữa. Do vậy, xác định ông C phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê nhà cho các đồng thừa kế là 3.000.000đ/tháng.

Quan điểm của ông C. Ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Ông xác định, người bị truất quyền hưởng thừa kế là ông B và ông Đ bởi hai ông không có nghĩa vụ chăm sóc bố mẹ, không cung cấp dinh dưỡng cho bố mẹ khi bố mẹ còn sống. Do vậy, không được hưởng quyền thừa kế. Đối với di chúc miệng của hai cụ, ông xác định.

Khi hai cụ còn sống hai cụ có tuyên bố bằng miệng cho ông tài sản là nhà đất đang tranh chấp hiện nay nhưng do trình độ hiểu biết còn hạn chế, ông đã không thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, khi các nguyên đơn đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật, bản thân ông cũng đồng ý và không có ý kiến là chia di sản theo di chúc, không đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế như vậy là phù hợp, ông chấp nhận và không kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với tiền thuê nhà. Tại phiên tòa sơ thẩm các nguyên đơn đã xin rút yêu cầu này, tại cấp phúc thẩm lại yêu cầu nên đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C. Nhất trí với quan điểm của ông C, không có ý kiến gì bổ sung.

Bà Nguyễn Thị N: Nhất trí quan điểm của ông C, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Người tham gia tố tụng chấp hành tương đối đúng quy định BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đại diện Viện kiểm sát phân tích các tình tiết của vụ án, các căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, ông B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 29/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Về án phí phúc thẩm. Các đương sự được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Đỗ Thế Đ và ông Đỗ Thế B kháng cáo bản án trong thời gian luật định, hai ông được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xác định kháng cáo hợp lệ. HĐXX sẽ xem xét toàn bộ nội dung kháng cáo của ông theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt UBND thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, bà T và anh H. Tuy nhiên bà T, anh H đã ủy quyền cho chị H tham

gia tố tụng. Căn cứ Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

Về hàng thừa kế: Các đương sự trình bầy thống nhất với nhau, phù hợp với xác nhận của chính quyền địa phương. Cụ L và cụ L sinh được 04 người con gồm ông C, ông B, ông Đ và ông T. Đến thời điểm này 03 người con còn sống, ông T chết năm 2010, vợ ông T là bà T, ông T bà T sinh được 02 người con là chị H và anh H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của hai cụ gồm ông C, ông Đ, ông B và vợ con ông T là đúng quy định tại Điều 613; Điều 651 Bộ luật dân sự.

Về thời hiệu chia di sản thừa kế. Cụ L và cụ L đều chết năm 2005. Khi chết hai cụ không để lại di chúc. Năm 2020 các nguyên đơn gồm ông B, ông Đ, bà T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của hai cụ là bất động sản. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự, vụ án chia di sản thừa kế vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện. Cấp sơ thẩm đánh giá các cụ chết không để lại di chúc và tiến hành chia di sản thừa kế theo pháp luật là đúng quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Đối với yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét truất quyền thừa kế của ông Đỗ Thế C. Thửa đất số 115 tờ bản đồ số 5 tổng diện tích 180m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời điểm này vẫn mang tên cụ Đỗ Văn L và cụ Hoàng Thị L. Các đương sự đều thừa nhận đây là di sản thừa kế của hai cụ để lại và chưa chia. Căn cứ vào tài liệu còn lưu trữ và lời khai của các đương sự, HĐXX có căn cứ xác định thửa đất số 115 nêu trên là di sản thừa kế của hai cụ L và cụ L.

Ông Đ ông B xác định. Khi hai cụ còn sống ông C đã có hành vi ngược đãi, xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của hai cụ. Ông C không thừa nhận. HĐXX thấy rằng. Quá trình xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Hai ông trình bầy thống nhất với nhau, hành vi của ông C ngược đãi bố mẹ là cho bố mẹ ăn đồ ôi thui, có hành vi xâm phạm đến danh dự của bố mẹ. Tất cả những lời trình bầy trên của hai ông đều được nghe bố mẹ kể lại bởi thời điểm đó các ông không sống cùng bố mẹ, ông B ở Hà Nội còn ông Đ ở nhà khác. Các ông đưa ra lời trình bầy nhưng không có người làm chứng, không có căn cứ nào chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh với chính quyền địa phương về sự kiện trên, kết quả thể hiện. Thời gian các cụ còn sống, không có tài liệu nào thể hiện các ông bà vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng hai cụ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 621 BLDS ông C không được hưởng di sản khi ông *"Bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó*". Trong trường hợp này, ông C

không bị kết án về những hành vi mà người kháng cáo trình bầy nên không có căn cứ chấp nhận nội dung này của người kháng cáo.

Ngoài ra, người kháng cáo còn xác định. Ông C có hành vi giả mạo di chúc, ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc. HĐXX thấy rằng. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông C có nêu nội dung khi bố mẹ còn sống có lập di chúc miệng, sau này ông thiết lập thành văn bản để mô tả lại nhưng bản thân ông cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia di sản theo di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu không cho ông C hưởng di sản như nội dung kháng cáo đã nêu.

2.2. Đối với nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại diện tích di sản thừa kế theo hiện trạng là 202m^2, không phải 198m^2 như cấp sơ thẩm xác định. HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Giấy chứng quyền sử dụng đất của cụ L và cụ L được UBND huyện Gia Lộc cấp có diện tích 180m^2. Khi Tòa án xem xét hiện trạng thửa đất thì diện tích hiện trạng tăng lên 22m^2. Trong số diện tích 22m^2 thì UBND thị trấn Gia Lộc xác định phần 4m^2 nằm tại vị trí ông C xây tường bao lấn sang đường bê tông 1,3m^2, lấn về đầu đường xóm 2,7m^2 . Phần diện tích 18m^2 đất còn lại tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác định là sai số trong quá trình đo đạc. UBND thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc là đơn vị quản lý đất đai và UBND thị trấn đã có quan điểm rõ ràng về diện tích chênh lệch nêu trên. Diện tích đất thuộc di sản thừa kế tăng lên chứ không giảm đi nên quyền lợi của các đương sự vẫn được đảm bảo. HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo đối với nội dung này của ông Đ và ông B.

2.3. Đối với nội dung kháng cáo về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải thanh toán tiền thuê nhà 3.000.000đ/tháng, thời hạn thuê 17 năm. Tổng số tiền yêu cầu là 612.000.000đ. HĐXX phúc thẩm nhận thấy. Đối với yêu cầu đòi tiền thuê nhà mà nguyên đơn khởi kiện, cấp sơ thẩm đã thụ lý nội dung này. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả tiền thuê nhà. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc và cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn chưa được xem xét giải quyết tại cấp sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại Điều 293 BLTTDS về phạm vi xét xử phúc thẩm thì cấp phúc thẩm chỉ được xem xét lại phần của bản án sơ thẩm. Nội dung này cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết mà đình chỉ nên cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét giải quyết. Các ông có quyền khởi kiện thành vụ án khác đối với yêu cầu này nếu có căn cứ.

2.4. Đối với nội dung kháng cáo về việc phân chia di sản. Ông Đ và ông B không nhất trí với việc phân chia di sản. Không đồng ý cấp sơ thẩm chia cho ông C công duy trì, tôn tạo di sản bằng 01 suất thừa kế. HĐXX xét thấy. Ông C sinh sống cùng hai cụ trên thửa đất có nguồn gốc từ các cụ. Quá trình chung sống, mặc dù thời gian đầu ông C bà N ở nhà riêng nhưng cũng giáp cạnh nhà hai cụ. Việc qua lại chăm sóc giữa ông C, bà N với các cụ là có. Từ năm 2005 hai cụ chết, ông C tiếp quản di sản, trực tiếp quản lý sử dụng, thậm chí sửa chữa ngôi nhà các cụ để lại, tôn nền sân gạch, xây dựng lại tường bao. Những việc làm trên, mặc dù các đồng thừa kế khác xác định ông C quản lý di sản không được sự cho phép là vi phạm. Tuy nhiên, đến thời điểm này các nguyên đơn mới có ý kiến, còn từ trước vợ chồng ông C vẫn quản lý, sử dụng di sản. Việc quản lý, sử dụng di sản của vợ chồng ông C cũng phần nào làm tăng giá trị sử dụng đất trong 17 năm qua. Cấp sơ thẩm đã lập luận, đánh giá và trích trả ông C bà N 01 suất di sản tương đương với 39,6m^2 là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, không có tình tiết mới đối với nội dung này nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm dựa trên diện tích đất, công trình trên đất, nhu cầu sử dụng đất mà phân chia di sản thừa kế theo hiện vật. Khi giao quyền sử dụng đất cho ai thì người đó được hưởng tài sản trên đất mà không phải trả chênh lệch cho nhau là phù hợp với ý chí của các đương sự. Cụ thể: Giao cho ông C bà N được sử dụng diện tích 88m^2 trong thửa đất số 115 tờ bản đồ số 5, đồng thời có trách nhiệm trả cho bà T, chị H, anh H tiền chênh lệch tài sản là 158.400.000đ. Giao cho ông Đ được quyền sử dụng diện tích 53,8m^2 trong thửa đất số 115 tờ bản đồ số 5, đồng thời có trách nhiệm trả cho bà T, chị H, anh H tiền chênh lệch tài sản là 255.600.000đ. Giao cho ông B được quyền sử dụng diện tích 56,2m^2 trong thửa đất số 115 tờ bản đồ số 5, đồng thời có trách nhiệm trả cho bà T, chị H, anh H tiền chênh lệch tài sản là 298.800.000đ. Có sơ đồ kèm theo bản án. Phần công trình trên đất thuộc phần đất của ai được chia thì người đó được hưởng là phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nguyện vọng của các đương sự nên cấp phúc thẩm cần giữ nguyên bản án nhằm đảm bảo quyền lợi chung của các đồng thừa kế nói riêng, đồng thời giữ gìn ổn định tình hình sử dụng đất nói chung.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên. Cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án, nội dung phân chia di sản thừa kế cho ông B, ông C, ông Đ các điểm phân chia trên sơ đồ kèm theo bản án, có một số điểm cấp sơ thẩm ghi chưa đúng với ký hiệu điểm trên sơ đồ, cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng. Cụ thể tại

vị trí giao đất cho ông C bà N có các điểm $A_1A_{13}A_{12}A_{16}$ nhưng khi ghi chi tiết, cấp sơ thẩm lại ghi A_{17}.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do HĐXX không chấp nhận kháng cáo ông Đ, ông B nhưng hai ông là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

[4]. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được HĐXX xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Thế Đ, ông Đỗ Thế B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân thành huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

[2]. Căn cứ Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 621; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 296; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thế B, ông Đỗ Thế Đ về việc truất quyền hưởng thừa kế của ông Đỗ Thế C. Không chấp nhận yêu cầu của ông B, ông Đ đề nghị xác định di sản thừa kế là 202m^2 đất ở.

[4]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thế Đ, ông Đỗ Thế B và bà Nguyễn Thị T.

4.1. Xác định công sức duy trì thửa đất số 115 của ông Đỗ Thế C và bà Nguyễn Thị N là 39,6m^2 đất ở có giá trị 712.800.000đ.

4.2. Xác định di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn L và cụ Hoàng Thị L là 158,4m^2 đất ở. Tổng giá trị di sản thừa kế là: 2.851.200.000đ.

4.3. Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của Lộ, cụ L gồm: Ông Đỗ Thế C, ông Đỗ Thế B, ông Đỗ Thế Đ, vợ con ông Đỗ Thế T là bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H, anh Đỗ Chung H.

4.4. Chia di sản thừa kế theo hiện vật:

- Chia cho ông Đỗ Thế C, bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích 88m^2 đất ở nằm trong thửa đất số 115 tờ bản đồ số 05 địa chỉ: khu dân cư N, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD có giá trị **1.584.000.000đ** được giới hạn bởi các điểm $A_1A_{13}A_{12}A_{16}$ (cạnh A_1A_{13} = 12m; $A_{13}A_{12}$ = 7,6m; $A_{12}A_{16}$ = 12,7m; $A_{16}A_1$ = 6,7m).

Trên đất có các công trình gồm: 01 nhà mái bằng một tầng, tường hoa, tường bao quanh, 01 lán tôn, 01 cây đinh lăng. Ông C bà N có trách nhiệm mở lối đi mới đường bê tông của khu dân cư Ngà. Buộc ông Đỗ Thế C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H, anh Đỗ Chung H (chị H đại diện cho bà T, anh H nhận thay) số tiền **158.400.000đ**. Tạm giao cho ông Đỗ Thế C được quản lý 2,7m^2 đất theo hình vẽ $A_1A_{15}A_{14}A_{13}$.

- Chia cho ông Đỗ Thế Đ được quyền sử dụng 53,8m^2 đất ở nằm trong thửa đất số 115 tờ bản đồ số 05 địa chỉ: khu dân cư N, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD có giá trị **968.400.000đ** được giới hạn bởi các điểm $A_{16}A_{12}A_{11}A_{17}$ (cạnh $A_{16}A_{12}$ = 12,7m; $A_{12}A_{11}$ = 4,2m; $A_{11}A_{17}$ = 13,1m; $A_{17}A_{16}$ = 4,15m). Trên đất có các tài sản gồm: 02 trụ cổng, cánh cổng, tường bao, 01 phần nhà ngang, sân. Buộc ông Đỗ Thế Đ phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H, anh Đỗ Chung H (chị H đại diện cho bà T, anh H nhận thay) số tiền **255.600.000đ.**

- Chia cho ông Đỗ Thế B được quyền sử dụng 56,2m^2 đất ở nằm trong thửa đất số 115 tờ bản đồ số 05 địa chỉ: khu dân cư N, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD có giá trị **1.011.600.000đ** được giới hạn bởi các điểm $A_{11}A_{10}A_5A_{17}$ (cạnh $A_{11}A_{10}$ = 4,2m; $A_{10}A_5$ = 13,5m; A_5A_{17} = 4,15m; $A_{17}A_{11}$ = 13,1m). Trên đất có các tài sản gồm: 01 phần nhà ngang, 01 tường hoa; 01 lán proximang; 02 cây hương; 03 cây đinh lăng. Buộc ông Đỗ Thế B phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H, anh Đỗ Chung H (chị H đại diện cho bà T, anh H nhận thay) số tiền **298.800.000đ.**

Không ai phải trả tiền chênh lệch tài sản trên đất cho nhau. *(có sơ đồ kèm theo bản án).*

- Bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Như H, anh Đỗ Chung H được hưởng di sản là 712.800.000đ. (số tiền 712.800.000đ do ông C, ông B, ông Đ có trách nhiệm trả).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi đo đạc đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất của bên nào phạm vào một phần công trình hoặc cây trồng trên đất của bên kia, thì bên có công trình và cây trồng sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Thế B và ông Đỗ Thế Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không bị HĐXX sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
-TAND huyện Gia Lộc;
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Đào